

| TT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Lớp học                                                                | Học phần                               | Giảng viên                            | Thời gian                              | Phòng học | Kết quả theo dõi |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------|-----------|------------------|
| <i>Đề nghị các học viên cao học khoá 2024 đợt 1, 2 và 2025 đợt 1 điểm danh bằng máy nhận diện khuôn mặt. Cùng với kết quả theo dõi học tập trên lớp của thầy/cô, kết quả điểm danh này là cơ sở để xác định điều kiện dự thi kết thúc học phần của mỗi học viên. Thời gian học sáng bắt đầu từ 08h00, chiều bắt đầu từ 14h00. Mọi thắc mắc xin gửi về E-mail: sdh@vimaru.edu.vn hoặc gặp trực tiếp chuyên viên trực tại phòng 203 A6.</i><br><i>Phòng Khảo thí và ĐBCL triển khai kiểm tra công tác Giảng dạy và học tập theo kế hoạch.</i><br><b><i>Nhân dịp ngày Nhà giáo Việt Nam, Viện ĐT Sau đại học trân trọng kính mời toàn thể nghiên cứu sinh và học viên cao học các khoá tới chung vui, tôn vinh các thầy cô vào 09h00 sáng thứ Năm, ngày 20/11/2025 tại phòng 204 nhà A6. Trân trọng!</i></b> |                                                                        |                                        |                                       |                                        |           |                  |
| 1.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | QLKT 2025.2.1                                                          | Tiếng anh<br>Triết học                 | Nguyễn Hồng Ánh<br>Mạc Văn Nam        | Cả ngày T7<br>Cả ngày CN               | 301 A6    |                  |
| 2.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | QLKT 2025.2.2                                                          | Tiếng anh<br>Triết học                 | Đỗ Thị Anh Thư<br>Đặng Ngọc Lựu       | Cả ngày T7<br>Cả ngày CN               | 302 A6    |                  |
| 3.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | QLVT 2025.2.1                                                          | Tiếng anh<br>Triết học                 | Hoàng Thị Ngọc Diệp<br>Phan Văn Chiêm | Cả ngày T7<br>Cả ngày CN               | 303 A6    |                  |
| 4.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | QLTC 2025.2.1<br>QLSX 2025.2.1<br>QLSX 2025.2.2<br>QLHH 2025.2.1       | Tiếng anh<br>Triết học                 | Phạm Văn Đôn<br>Vũ Phú Dưỡng          | Sáng T7, chiều CN<br>Chiều T7, sáng CN | 305 A6    |                  |
| 5.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | CNTT 2025.2.1 (TTS)<br>CNTT 2025.2.2                                   | Tiếng anh<br>Triết học                 | Nguyễn Đình Quý<br>Trần Việt Dũng     | Sáng T7, sáng CN<br>Chiều T7, chiều CN | 306 A6    |                  |
| 6.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | XDCT, QLDA, QLCA,<br>QKTH, KTTT, QLMT,<br>KTMT, KTĐT, KTĐH<br>2025.2.1 | Tiếng anh<br>Triết học                 | Hoàng Thị Thu Hà<br>Ngô Văn Thảo      | Cả ngày T7<br>Cả ngày CN               | 207 A6    |                  |
| 7.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | KTĐH 2024.2.1<br>KTĐH 2025.1.1                                         | Điều khiển hệ thống điện               | Hoàng Đức Tuấn                        | Cả ngày T7                             | 409 A4    |                  |
| 8.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | KTĐT 2024.2.1                                                          | Đồ án thiết kế mạch sử dụng FPGA       | Đào Quang Khanh                       | Cả ngày CN                             | 409 A4    |                  |
| 9.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | QLDA 2024.2.2<br>QLDA 2025.1.1                                         | Tổ chức kế hoạch hóa sản xuất xây dựng | Trần Long Giang                       | Cả ngày T7                             | 410 A4    |                  |
| 10.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | QLMT 2024.2.1<br>QLMT 2025.1.1                                         | Biến đổi khí hậu và nước biển dâng     | Nguyễn Thị Hoài Phương                | Cả ngày T7,<br>sáng CN                 | 411 A4    |                  |
| 11.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | KTMT 2025.1.1                                                          | Biến đổi khí hậu và nước biển dâng     | Nguyễn Thị Hoài Phương                | Cả ngày T7,                            | 411 A4    |                  |

|     |                                                                  |                                                                                      |                                         |                          |                            |  |
|-----|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--|
|     |                                                                  |                                                                                      |                                         | sáng CN                  |                            |  |
| 12. | QLSX 2024.1.1<br>QLSX 2024.2.1<br>QLSX 2025.1.1                  | Quản lý dự án công nghiệp                                                            | Trần Thị Thanh Vân                      | Cả ngày T7, CN           | 412 A4                     |  |
| 13. | QLTB 2024.1.1<br>QLNL 2024.2.1<br>QLNL 2025.1.1                  | Quản lý kỹ thuật trong thiết kế và sửa chữa thiết bị năng lượng                      | Phan Trung Kiên                         | Cả ngày T7               | 214 A3                     |  |
| 14. | CNTT 2024.1.1<br>CNTT 2024.2.1<br>CNTT 2025.1.1                  | Hệ cơ sở tri thức nâng cao                                                           | Nguyễn Duy Trường Giang                 | Chiều CN                 | 414 A4                     |  |
| 15. | QLHH 2024.2.1<br>QLHH 2025.1.1                                   | Bảo hiểm hàng hải và khiếu nại hàng hải                                              | Nguyễn Kim Phương                       | Cả ngày T7               | 208 A6                     |  |
| 16. | QLDA 2023.2                                                      | Hội đồng bảo vệ đề án tốt nghiệp                                                     |                                         | Sáng T7                  | 202 A6                     |  |
| 17. | QLKT 2023.2                                                      | Hội đồng bảo vệ đề án tốt nghiệp                                                     |                                         | Cả ngày T7               | 204 A6<br>209 A6           |  |
| 18. | QLVT 2023.2                                                      | Hội đồng bảo vệ đề án tốt nghiệp                                                     |                                         | Sáng CN                  | 204 A6<br>209 A6           |  |
| 19. | QLKT 2023.2                                                      | Hội đồng bảo vệ đề án tốt nghiệp                                                     |                                         | 13h30 chiều CN           | 202 A6<br>204 A6<br>209 A6 |  |
| 20. | NCS KTB T 2025                                                   | Xét tuyển NCS năm 2025                                                               |                                         | 08h00 sáng CN            | 202 A6                     |  |
| 21. | NCS KTB T 2024                                                   | Bảo vệ Tiểu luận tổng quan và Chuyên đề Tiến sĩ số 1                                 |                                         | 09h00 sáng CN            | 202 A6                     |  |
| 22. | NCS Máy và Thiết bị tàu thủy 2025                                | Biến dạng và phá hủy mỏi các chi tiết máy                                            | Cao Đức Thiệp                           | Cả ngày T7               | 206 A3                     |  |
| 23. | NCS Quản lý kinh tế 2025                                         | Quản lý kinh tế (cốt lõi và ứng dụng)                                                | Đặng Công Xưởng                         | Cả ngày T4, T6           | 109 A4                     |  |
| 24. | QLKT 2025.2.3<br>QLKT 2025.1.3<br>QLKT 2025.2.4<br>QLVT 2025.2.2 | Tiếng anh – (Học trực tuyến qua VMU-LMS)<br>Triết học – (Học trực tuyến qua VMU-LMS) | Nguyễn Thị Huyền Trang<br>Bùi Quốc Hưng | Cả ngày T7<br>Cả ngày CN |                            |  |
| 25. | QLHH 2025.2.2                                                    | Tiếng anh – (Học trực tuyến qua VMU-LMS)                                             | Nguyễn Đình Duy                         | Cả ngày T7               |                            |  |

|                            |                                                 |                                                                                                                                                    |                                                                           |                                                                    |        |  |
|----------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------|--|
|                            | QLHH 2025.1.3                                   | Triết học – (Học trực tuyến qua VMU-LMS)                                                                                                           | Bùi Quốc Hưng                                                             | Cả ngày CN                                                         |        |  |
| Lịch thi kết thúc học phần |                                                 |                                                                                                                                                    |                                                                           |                                                                    |        |  |
| 26.                        | QLKT 2024.1.1                                   | Thi: Ra quyết định trong quản lý<br>Thi: Quản lý nhà nước về kinh tế                                                                               | Nguyễn Thị Quỳnh Nga<br>Đặng Công Xưởng                                   | 14h00 chiều T7<br>15h15 chiều T7                                   | 202 A6 |  |
| 27.                        | QLHH 2024.1.1<br>QLHH 2024.2.1                  | Thi: Điều khiển mô hình và chuyển động tàu<br>Thi: An ninh hàng hải và bến cảng<br>Thi: Thương vụ VTB<br>Thi: Quản lý công tác tìm kiếm cứu nạn HH | Lương Tú Nam<br>Nguyễn Thanh Sơn<br>Nguyễn Mạnh Cường<br>Nguyễn Công Vịnh | 08h00 sáng CN<br>09h15 sáng CN<br>14h00 chiều CN<br>15h15 chiều CN | 208 A6 |  |
| 28.                        | QLHH 2025.1.1                                   | Thi: Thương vụ VTB<br>Thi: Quản lý công tác tìm kiếm cứu nạn HH                                                                                    | Nguyễn Mạnh Cường<br>Nguyễn Công Vịnh                                     | 14h00 chiều CN<br>15h15 chiều CN                                   | 208 A6 |  |
| 29.                        | QLMT 2024.2.1<br>QLMT 2025.1.1<br>KTMT 2025.1.1 | Thi: Hóa học môi trường                                                                                                                            | Lê Xuân Sinh                                                              | 14h00 chiều CN                                                     | 208 A6 |  |
| 30.                        | QLSX 2023.2.1                                   | Thi: Tự động và điều khiển các quá trình công nghiệp nâng cao                                                                                      | Phạm Đình Bá                                                              | 14h00 chiều CN                                                     | 208 A6 |  |
| 31.                        | QKTH 2024.1.1<br>QKTH 2024.2.1                  | Thi: Toán ứng dụng trong kỹ thuật                                                                                                                  | Cao Đức Thiệp                                                             | 14h00 chiều CN                                                     | 208 A6 |  |
| 32.                        | QLTB 2024.1.1<br>QLTB 2024.2.1                  | Thi: Toán ứng dụng trong kỹ thuật                                                                                                                  | Cao Đức Thiệp                                                             | 14h00 chiều CN                                                     | 208 A6 |  |

Lịch trực lãnh đạo: Nguyễn Kim Phương – T7, Lại Huy Thiện - CN  
Lịch trực chuyên viên: Đỗ Tất Mạnh - T7; Trần Minh Tuấn – CN  
**Viện trưởng Viện ĐTSĐH**

(Đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Kim Phương

**Cán bộ phụ trách**

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn